

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN U MINH
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2019/DS-ST
Ngày: 09 - 4 - 2019
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Dư Thanh Nguyễn

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Công Đăng

Ông Trịnh Hữu Hiệp

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Hoàng Anh – là Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

Ngày 09 tháng 4 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 144/2018/TLST-DS, ngày 10 tháng 10 năm 2018 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2019/QĐXX-ST ngày 11 tháng 02 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Ngô Chí D, sinh năm 1955

Địa chỉ cư trú: ấp 4, xã KH, huyện U M, tỉnh CM (có mặt).

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1953

Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1960

Cùng địa chỉ cư trú: ấp 3, xã KH, huyện UM, tỉnh CM

Bà Nguyễn Thị L ủy quyền cho ông Nguyễn Văn B tham gia tố tụng theo giấy ủy quyền ngày 20/3/2019 (ông B có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 24 tháng 9 năm 2018 và tại phiên tòa nguyên đơn ông Ngô Chí D trình bày:

Ngày 26/8/2015 ông có cho ông Nguyễn Văn B và bà Nguyễn Thị L vay số tiền 150.000.000 đồng, lãi suất 4%/tháng, thời hạn vay là 3 năm, để đảm bảo số tiền vay ông B, bà L có thể chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO

953213 tên Nguyễn Văn B và Nguyễn Thị L, sau khi vay ông B, bà L có đóng lãi được 3 tháng với số tiền là 18.000.000 đồng, đến nay đã hết hạn hợp đồng nhưng ông B, bà L không thanh toán tiền gốc và tiền lãi cho ông. Ông D yêu cầu ông B, bà L trả số tiền vay là 150.000.000 đồng, lãi suất 1,125% tính từ ngày 26/11/2015 đến ngày xét xử sơ thẩm với số tiền là 68.287.500 đồng, đối trừ với tiền lãi ông B bà L đã trả là 13.062.500 đồng (phần lãi vượt 1,125%), còn lại lãi phải trả là 55.225.000 đồng. Tổng cộng yêu cầu ông B, bà L trả gốc và lãi là 205.225.000 đồng.

- Ông Nguyễn Văn B trình bày: Ông và vợ ông là bà L có vay của ông D số tiền gốc là 150.000.000 đồng, thời hạn vay, lãi suất như trình bày của ông D là đúng, ông đồng ý trả tiền cho ông D nhưng được trả nhiều lần cho đến khi dứt điểm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Ông Ngô Chí D khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn B và bà Nguyễn Thị L, địa chỉ cư trú ấp 3, xã Khánh Hội, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau trả tiền vay, xét đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền của Tòa án.

[2] Về nội dung:

Ông Ngô Chí D, ông Nguyễn Văn B cùng xác định ngày 26/8/2015 ông B, bà L có vay của ông D số tiền gốc 150.000.000 đồng là có thật và chưa thanh toán dứt điểm được các bên thừa nhận nên không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đã hết thời hạn trả nợ nhưng ông B, bà L không trả nợ nên ông D yêu cầu ông B, bà L trả dứt điểm nợ gốc cho ông D với số tiền là 150.000.000 đồng là có căn cứ nên được chấp nhận.

Về lãi suất: Ông Ngô Chí D yêu cầu ông Nguyễn Văn B và bà Nguyễn Thị L trả lãi suất từ ngày 26/11/2015 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 09/4/2019, lãi suất 1,125% với số tiền là 68.287.500 đồng, trừ số tiền lãi ông B bà L đã trả được 13.062.500 đồng, còn lại lãi phải trả là 55.225.000 đồng, ông B, bà L đồng ý trả lãi theo yêu cầu của ông D. Mặt khác, yêu cầu của ông D yêu cầu ông B bà L trả mức lãi suất và số tiền lãi phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Ông B, bà L yêu cầu được trả dần cho đến khi dứt điểm số tiền phải trả cho ông D, ông D không đồng ý, xét thấy yêu cầu của ông B, bà L có quyền thỏa thuận với ông D ở giai đoạn thi hành án nên Hội đồng xét xử không xem xét yêu cầu của ông B, bà L.

Do đó buộc ông Nguyễn Văn B và bà Nguyễn Thị L trả cho ông Ngô Chí D số tiền gốc là 150.000.000; tiền lãi là 55.225.000 đồng đồng, tổng cộng là 205.225.000 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành khoản tiền nêu trên thì người phải thi hành án còn phải chịu lãi suất chậm trả theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] Về án phí:

Yêu cầu của ông Ngô Chí D được chấp nhận nên ông D không phải chịu án phí, ông D đã nộp tiền tạm ứng án phí số tiền 5.227.000 đồng (năm triệu hai trăm hai mươi bảy nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012244 ngày 09/10/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh, ông D được nhận lại.

Ông Nguyễn Văn B và bà Nguyễn Thị L là người cao tuổi nên được miễn toàn bộ án phí. Theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[4] Tại phiên tòa ông Ngô Chí D xác định đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tên Nguyễn Văn B và Nguyễn Thị L giao cho ông D để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ, hiện nay ông D đang quản lý, ông D yêu cầu ông B, bà L trả đủ tiền vay thì ông D trả lại cho ông B, bà L giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do đó, ông D có nghĩa vụ trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 953213 tên Nguyễn Văn B và Nguyễn Thị L, do Ủy ban nhân dân huyện U Minh cấp vào ngày 18 tháng 12 năm 2009, khi ông B, bà L thực hiện xong nghĩa vụ trả tiền cho ông D.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 271; Điều 273 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 357; Điều 463; Điều 466; Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Chí D yêu cầu ông Nguyễn Văn B và bà Nguyễn Thị L trả tiền vay.

- Buộc ông Nguyễn Văn B và bà Nguyễn Thị L trả cho ông Ngô Chí D số tiền 205.225.000 đồng (Hai trăm lẻ năm triệu hai trăm hai mươi lăm nghìn) đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành khoản tiền nêu trên thì người phải thi hành án

còn phải chịu lãi suất chậm trả theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về án phí:

Ông Ngô Chí D không phải chịu án phí, ông D đã nộp tiền tạm ứng án phí số tiền 5.227.000 đồng (năm triệu hai trăm hai mươi bảy nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012244 ngày 09/10/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh, ông D được nhận lại, khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ông Nguyễn Văn B và bà Nguyễn Thị L được miễn toàn bộ án phí.

- Ông Ngô Chí D có nghĩa vụ giao trả lại cho ông Nguyễn Văn B và bà Nguyễn Thị L giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 953213 tên Nguyễn Văn B và Nguyễn Thị L, do Ủy ban nhân dân huyện U Minh cấp vào ngày 18 tháng 12 năm 2009, khi ông B, bà L thực hiện xong nghĩa vụ trả tiền cho ông D.

- Án xử sơ thẩm, các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị bản án theo quy định của pháp luật.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng KT- NV TAND tỉnh Cà Mau (1b);
- VKSND huyện U Minh, tỉnh Cà Mau (1b);
- Chi cục thi hành án huyện U Minh, tỉnh Cà Mau (1b);
- Các đương sự (mỗi đ/s 1b);
- Lưu hồ sơ, văn thư (1b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Dư Thanh Nguyễn

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA